

MỘT VÀI THỦ PHÁP NGHỆ THUẬT TIÊU BIỂU TRONG VÍ DẶM XỨ NGHỆ

PHẠM QUỲNH AN

Ví dặm là loại hình dân ca của người Nghệ Tĩnh, mang tâm hồn con người và mảnh đất miền Trung, đã được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc (UNESCO) công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại vào năm 2015. Trong kho tàng văn hóa dân gian Nghệ Tĩnh, có thể nói cùng với hò, ví dặm là thể loại dân ca đại diện cho vốn ca nhạc truyền thống đặc sắc nhất của người Nghệ Tĩnh. Theo Nguyễn Mỹ Hạnh, “với ba thể loại dân ca ấy chúng ta có một bản phác họa khá chân thực những nét cơ bản đa dạng của tâm hồn, tính cách người Nghệ Tĩnh nói chung và của dân ca vùng đất này nói riêng”⁽¹⁾.

Loại hình nghệ thuật dân ca này phổ biến trong đời sống của các cộng đồng người xứ Nghệ, được lưu truyền từ đời này sang đời khác, được hát trong hầu hết mọi hoạt động đời thường từ ru con, quay tơ, dệt vải, cấy lúa, chèo đò, giã gạo, đối đáp giao duyên... Nội dung của ví dặm gắn liền với các hoạt động sản xuất và đời sống tinh cảm của người dân xứ Nghệ. Ngoài phần âm nhạc mang những nét đặc trưng riêng, chính ngôn từ đã góp một phần không nhỏ trong việc tạo nên diện mạo độc đáo của ví dặm. Ngôn ngữ ví dặm mượt mà, ý nhị, tinh tế, vừa dân dã bình dị vừa đầy chất trí tuệ. Trong không gian diễn xướng, với việc ứng tác nhanh nhẹn của những người trai người gái đang lao động, ví dặm thực sự trở thành một cuộc dạo chơi đầy thi vị của ngôn từ. Ví có nhiều điệu như ví dò đưa, ví phường vải, ví phường cấy, ví phường võng, ví đồng ruộng, ví gheo, ví chuỗi, ví giận thương, ví mục đồng, ví trèo non... Chất liệu ngôn ngữ của ví thường là lục bát, song thất lục bát, lục bát biến thể... Còn dặm (hay giặm) cũng có nhiều loại như dặm cửa quyền, dặm ru, dặm vè, dặm kể, dặm nối, dặm xẩm... Dặm thường có nhiều khổ, mỗi khổ 5 câu, mỗi câu 5 từ, nhưng cũng có khi số lượng khổ, câu, từ nhiều hơn thế. Ví dặm sử dụng nhiều biện pháp tu từ, mang lại nét đặc sắc trong ngôn ngữ của mình. Có thể kể đến các biện pháp sau:

1. Biện pháp so sánh

Một trong những cách hiểu về “ví”, theo Vi Phong, “hát ví là để đối đáp, để ví von so sánh”⁽²⁾. Có thể thấy ví dặm sử dụng nhiều hình ảnh ví von so sánh, nhiều khi so sánh ngang bằng, so sánh hơn kém, và nhiều hơn cả là so sánh ngầm (ẩn dụ). Có khi là những hình ảnh mang tính chất hài hước:

“Bụng tròn như vại nứt

Béo như con tru Lào”

Hay:

“Thân em như cây khế ở trong chùa

Ai đi qua đi lại thấy của chua cũng thèm”

Lại có khi hình ảnh so sánh rất bình dị, rất dân gian:

“Da em như đọt chuối non

Eo lưng thắt đáy như con tò vò”

Người xưa thường nói về vẻ đẹp của người con gái bằng cách mô tả làn da và eo lưng của họ. Ví dặm cũng thế, miêu tả làn da trắng như đọt chuối non, còn eo lưng nhỏ nhắn như eo lưng của con tò vò. Hay nói về nổi lòng của người con trai trước cô gái, về sự đợi chờ tình cảm từ phía cô, một câu ví so sánh việc người con gái đã có nơi có chốn với hình ảnh “ruộng có bờ”:



Ảnh minh họa. Nguồn: dancaxunghe.vn

“Còn không ta đợi ta chờ
Hay là như ruộng có bờ
thì thôi”

Vừa như một sự trách cứ nhẹ nhàng, vừa là khuyên răn, vừa là mong ước, chàng trai nhắc nhở người con gái mà anh thương rằng cần phải dứt khoát, phải một lòng một dạ, phải chắc chắn và tin tưởng vào tình cảm đôi bên, chứ đừng như con thỏ lúc đến lúc đi, lúc vui lúc buồn. Hình ảnh so sánh đã khiến cho lời ví trở nên sống động:

“Người ơi chứ có thương
thì thương cho chắc

Mà đã trực trặc thì trực
trặc cho luôn

Chứ đừng như con thỏ
đứng đầu chuồng

Khi vui thì giỡn bóng khi
buồn thì bỏ đi”

Và đôi khi, hình ảnh so sánh trở nên trừu tượng hơn:

“Có thương nhau nên em
mới đi tìm

Bây giờ khát mặt như
Kim khát Kiều”

Nói về nỗi nhớ, về khát vọng được gặp gỡ mà mô tả “như Kim khát Kiều” thì quả là bất ngờ, độc đáo!

2. Biện pháp ẩn dụ

Đây là biện pháp tu từ được sử dụng nhiều nhất trong dân ca ví dặm Nghệ Tĩnh. Có thể thấy trong phần nhiều những câu ví, câu dặm, các hình ảnh so sánh ngầm được thực hiện. Cách nói ẩn ý, tế nhị của người Nghệ Tĩnh tỏ ra rất hiệu quả bởi nó khiến cho ví dặm trở nên giàu hình ảnh, giàu lớp nghĩa. Chẳng hạn, khi trách cứ người bạn tình của mình đã thương mà không thương cho trọn, câu ví đã ngầm so sánh mối tình của mình giống như một người đang ôm cây đàn

mà gãy, khi đã yêu cây đàn, yêu âm nhạc thì đâu phải sợ “dây chùng dây nằng”:

“Ôm đàn mà gãy năm
cung

Đã thương sao sợ dây
chùng dây nằng”

Sự trách cứ vừa nhẹ nhàng, vừa thâm thúy. Cũng như vậy, trong câu ví quen thuộc:

“Ơ... Chứ anh đến giàn
hoa thì hoa kia đã nở

Chứ anh đến bến đò thì
đò đã sang sông

Đến em thì em đã lấy
chồng

Em yêu anh như rứa, hỏi
có mặn nồng mà lấy chi?”

Người con trai đã trách móc người con gái và ngầm ví von mối tình lỡ làng của mình với hoa đã nở, đò đã sang sông. Đáp lại, người con gái hát:

“Ơ là người ơi...”

Hoa đến thì, thì hoa phải nở

Chứ dò đây thì dò phải sang sông

Chứ đến duyên em thì em phải lấy chồng

Em yêu anh như rúa, giữ có mặn nồng thì tuyền anh”

Người con gái đã trả lời đầy đủ cho câu hỏi của chàng trai, trả lời cả cho những ẩn dụ, bằng chính những ẩn dụ. Cách nói vòng vo, dùng chuyện này để nói đến chuyện khác, dùng hình ảnh tương đồng về một mặt ý nghĩa nào đó để nói về chuyện của mình, đã mang lại cho câu ví một tầng lớp ý nghĩa khác, một sự chông chéo của cảm xúc, một sự khúc chiết của tư duy và luận lý. Những hình ảnh ẩn dụ, đôi khi giản dị, đôi khi độc đáo bất ngờ, chính là nét đặc sắc không thể phủ nhận của ví dặm.

Nói về nỗi nhớ của người con gái đối với bạn trai, ví dặm lấy hình ảnh của Hồng Lĩnh, Hoàng Sơn ra để ngầm ví von so sánh. Cũng giống như bao câu ca dao, tục ngữ lấy núi sông ra để ví với lòng son sắt, sự chung thủy, nghĩa tình lâu bền, ở đây câu ví của người Nghệ Tĩnh cũng dùng những hình ảnh ấy:

“Bao giờ Hồng Lĩnh đá mòn

Hoàng Sơn mây phủ, dạ còn nhớ anh”

Có thể thấy nhiều câu ví, câu dặm thường xuyên có các hình ảnh song song, đó là các vế ẩn dụ:

“Cau khô ăn với hạt hèo
Lấy chồng dò dọc ráo
chèo hết ăn”

“Từ ngày nhỏ nọc lui
thuyền

Sông bao nhiêu khúc, dạ
phiền bấy nhiêu”

“Ơ là ai ơi
Một chiếc ghe lui năm
bảy chiếc néo giằng

Ta nhất tâm đợi bạn, bạn
lại dùng dằng đợi ai”

“Một sông hồ để mấy câu
Một mình em hồ để ăn
trầu mấy nơi?

Sông sâu thì biển càng
sâu

Muốn ăn cá nậy, phải
dong câu cho dài” v.v...

Các hình ảnh cùng đồng hiện song song, như cau khô, hạt hèo/lấy chồng dò dọc; khúc sông/khúc dạ; néo giằng ghe/bạn dùng dằng; câu trên sông/trầu hỏi cưới; sông biển sâu/dong câu dài... Nói về cau khô ăn cùng hạt hèo để thấy được tình cảnh lấy phải chồng làm nghề dò dọc; nói về sông lấm khúc để diễn tả sự phiền muộn của lòng dạ; nói về chiếc ghe bị néo giằng để trách người thương cứ dùng dằng chưa dứt khoát với mình; nói về câu trên sông để nói bóng gió việc người con gái đâu có thể “ăn trầu” cưới nhiều nơi; nói sông biển sâu và dong câu dài để ẩn dụ về việc người con trai cần phải kiên nhẫn chờ đợi... Sự ý nhị của ví dặm là ở đây. Nói về cái A để diễn tả cái B, nói về thiên nhiên để diễn tả con người, nói về chuyện khác để bóng gió về chuyện của mình. Chính biện pháp ẩn dụ đã trao cho ví dặm cái khả năng mở ra một thế giới khác, một thế giới song hành

cùng hiện tại, để những câu chuyện của hiện tại trở nên sâu lắng hơn, có tính triết lý hơn.

3. Biện pháp nhân hóa

Biện pháp nhân hóa cũng được ví dặm sử dụng, khiến hình ảnh trong câu hát trở nên sinh động hơn. Nói trời chưa mưa, một câu dặm diễn tả bằng biện pháp nhân hóa:

“Rú Bờng chưa đội mũ
Rú Bể chưa mang toi”

Còn đây là một câu ví sử dụng cùng lúc biện pháp nhân hóa kết hợp với chơi chữ:

“Vườn hoa quả thị má
hồng

Mận mơ quán quýt đèo
bồng cho cam”

Câu ví diễn tả tình cảm quán quýt, gắn bó của đôi trai gái, đồng thời cũng giới thiệu vườn hoa quả gồm nhiều loại quả khác nhau: thị, hồng, mận, mơ, quýt, bồng, cam.

4. Biện pháp ngoa dụ

Ngoa dụ, khoa trương là một biện pháp nghệ thuật cũng được ví dặm sử dụng. Mục đích của cách nói ngoa dụ, khoa trương là phóng đại sự vật, sự việc lên, để khẳng định điều gì đó mà bản thân tin tưởng. Như người con gái trong câu ví nọ đã hứa hẹn với chàng trai sẽ lần theo anh để đi cùng con đường, dù cho bao khó khăn gian khổ, dù cho hiểm nguy có thể ập đến bất cứ lúc nào. Những hiểm nguy ấy được phóng đại lên như với việc bị “khoét mắt, chặt tay”, một việc khó có thể xảy ra. Và khi ấy, sự hứa hẹn giống như một lời tuyên bố hùng hồn, nó trở nên

đây tin cậy:

“Dù ai khoét mắt, chặt tay

*Cũng lần hơi hướm
đường này với anh”*

Cũng như trong câu dặm sau, đôi trai gái đã thề ước cùng nhau, dù bao gian khổ hiểm nguy có thể xảy ra vẫn cùng nhau cất bước mà vượt qua tất cả, đến hơi thở cuối cùng. Họ đã lấy “bể thăm non cao”, “lưỡi gươm kẻ đầu” ra để khẳng định rằng dù chuyện gì xảy ra họ cũng một lòng son sắt:

“Đôi ta đã thề ước

*Quyết sống thác cùng
nhau*

Dù bể thăm non cao

Dù lưỡi gươm kẻ đầu

Phải liệu mà cất bước

Tinh liệu mà cất bước”

5. Điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc câu

Ngoài việc góp phần vào tạo nhịp phách, tiết tấu cho các làn điệu ví dặm, việc điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc câu cũng khiến cho lời thơ ví dặm trở nên sâu lắng hơn. Giống như các điệp khúc trong âm nhạc, sự lặp lại một từ hoặc ngữ nào đó trong ví dặm chính là một cách để nhấn nhá, để xoáy sâu vào câu chuyện, vào nỗi lòng của chủ thể. Theo Nguyễn Mỹ Hạnh, “trong cách phổ thơ, nếu như hò và dặm ca từ được đưa vào xuôi theo lời thơ, thì ở ví ta đã bắt gặp – tuy không nhiều – trường hợp đảo và điệp cụm từ”⁽³⁾. Tuy nhiên việc điệp từ, ngữ và cấu trúc câu thì có thể thấy phổ biến ở dặm:

“Đôi ta đã thề ước

Quyết sống thác cùng nhau



Dân ca ví dặm xứ Nghệ. Ảnh TL

Dù bể thăm non cao

Dù lưỡi gươm kẻ đầu

Phải liệu mà cất bước

Tinh liệu mà cất bước”

Khi tìm hiểu về hát dặm, nhà nghiên cứu Nguyễn Đông Chi đã chỉ ra rằng, “nhiều người Nghệ Tĩnh đã hiểu tiếng giặm trong hát dặm theo một nghĩa gần như giặm thêm vào. Nhưng họ lại hiểu theo hai nghĩa khác nhau: Cách hiểu thứ nhất bắt nguồn từ hiện tượng điệp câu của hát giặm: thường người ta bắt buộc phải xen vào những câu láy lại (hay câu điệp)...”⁽⁴⁾.

Cũng rất nhiều câu ví, câu dặm hiện hiện những cấu trúc câu song song, những hình ảnh tương đồng về mặt ngữ nghĩa:

“Ai có chồng nói chồng đừng sớ

Ai có vợ nói vợ đừng

ghen”

Hay:

*“Ai khun (khôn) bằng Từ Hải
Cũng mắc đại Thúy Kiều
Nghe lời nói cũng xiêu
Về thu bình cuốn áo
Hạ cột cờ cuốn áo”
“Rơm cũng đã rả rồi
Toóc (ra) cũng đã rả rồi
Giữ mực ngòi với tui
Tui giải một đôi lời
Mực rẹ (rẻ) về một nơi
Tui rẹ về một nơi
Mai đàng xá xa xôi
Tui về không gặp mực
Tui về rồi không gặp mực”
“Ông ra vào mấy chuyến
Bướm qua lại mấy lần”
“Rủ Bông chưa đội mũ
Rủ Bể chưa mang toi” ...*

Nhìn chung, ngoài các biện pháp tu từ đặc sắc kể trên, ví dặm còn sử dụng những phương ngữ, kết hợp với ngữ điệu địa phương, tạo ra bản sắc riêng của

dân ca xứ Nghệ. Cách chơi chữ, sử dụng từ ngữ của ví dặm cũng rất độc đáo. Trong không gian diễn xướng, hoạt động chào hỏi, đối đáp giữa các nam thanh nữ tú, những người đang lao động, đòi hỏi trí thông minh, sự nhanh nhẹn để có thể ứng biến, đòi hỏi họ phải thật sự hiểu biết trên nhiều lĩnh vực như văn chương, ngôn ngữ, sử học, phải tường tận về đạo lý cuộc sống, phải có kinh nghiệm sống, có tài ứng khẩu. Họ chính là những diễn viên sáng tác tại chỗ trên sân khấu của mình.

Thái Kim trong bài viết “Tàn mạn về hát giặm” cũng khẳng định rằng, trong hát dặm, “để kể một câu chuyện hoặc diễn đạt một tâm trạng... thì người sáng tác phải chuẩn bị chu đáo, sắp xếp kết cấu bài, trau chuốt văn chương... để kể được hay, bày tỏ được ý kiến, tình cảm”. Thái Kim cho rằng, chính vì nghệ thuật sử dụng ngôn từ nhiều khi đạt tới trình độ bác học mà “nhiều bài đã vượt khỏi phạm vi sáng tác dân gian, thực sự trở thành tác phẩm văn học thành văn”.

Có người gọi hát ví phường vải là một “cuộc hát”, bởi hát ví phường vải có tới ba lớp, chín hồi, từ hát dạo, hát



Ảnh T.L

chào, mời, đố, đối, nghịch, xe kết cho tới hát hện, hát tiễn, tất cả đều có quy định khá chặt chẽ. Thời gian kéo dài bao lâu phụ thuộc vào kết quả đấu trí giữa hai bên nam nữ, chỉ khi nào đối đáp hài hòa thì cuộc hát phường vải mới kết thúc. Vậy nên, khi phân tích ngôn từ của câu ví, câu dặm, phải đặt nó vào trong bối cảnh diễn xướng, để thấy được sự ứng biến, tài năng, trí tuệ của người Nghệ Tĩnh.

Trong thời đại kỹ thuật số như hiện nay, các câu ví, câu dặm đang dần bị mai một, bị biến thể để phù hợp với ngôn ngữ, tâm thế hiện đại, bởi vậy mà vấn đề phát huy, bảo tồn dân ca ví dặm Nghệ Tĩnh là một thử thách lớn trong công cuộc bảo vệ, giữ gìn, phát triển các di sản văn hóa phi vật thể. Hiểu được những nét đẹp của ví dặm, yêu bản sắc riêng độc đáo của ngôn từ và giai điệu ví dặm, cũng chính là một cách để gìn giữ, bảo tồn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Chung Anh (1958), *Hát ví Nghệ Tĩnh: Tài liệu tham khảo văn học dân gian*, Nxb. Văn Sử Địa.
2. Nguyễn Văn Hạnh (2013), “*Ví dặm xứ Nghệ từ góc nhìn văn hóa học*”, *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 4, tr.92-96.
3. Vi Phong (1992), “*Đôi điều về hát ví và sức mở của dân ca Nghệ Tĩnh*”, *Nghiên cứu Văn hóa nghệ thuật*, số 6, tr.52-54.
4. Nguyễn Mỹ Hạnh (1992), “*Hò, ví và dặm Nghệ Tĩnh*”, *Nghiên cứu Văn hóa nghệ thuật*, số 6, tr.57-60.
5. Nguyễn Đồng Chi (1963), *Hát giặm Nghệ Tĩnh*, Tập 1, Nxb. Khoa học.
6. Thái Kim (1992), “*Tàn mạn về hát giặm*”, *Nghiên cứu Văn hóa nghệ thuật*, số 6, tr.46-48.

1. Nguyễn Mỹ Hạnh, “Hò, ví và dặm Nghệ Tĩnh”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa nghệ thuật*, số 6, 1992, tr.60.

2. Vi Phong, “Đôi điều về hát ví và sức mở của dân ca Nghệ Tĩnh”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa nghệ thuật*, số 6, 1992, tr.53.

3. Nguyễn Mỹ Hạnh, “Hò, ví và dặm Nghệ Tĩnh”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa nghệ thuật*, số 6, 1992, tr.58.

4. Nguyễn Đồng Chi, *Hát giặm Nghệ Tĩnh*, Tập 1, Nxb. Khoa học, 1963